| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ PHÚ MỸ**<br>**TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2023
V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Thế Phương

2. Bà Trần Thị Lệ

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 07-2-2023 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐST – HNGĐ ngày 14-4-2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 25/2023/QĐST – HNGĐ ngày 05-5-2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ V, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 12, khu phố N, phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

*Bị đơn:* Ông Trịnh Nguyễn Sơn H , sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 70 C, khu phố N , phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà V xây dựng gia đình với ông Trịnh Nguyễn Sơn H vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 22/12/2018. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, công việc của vợ chồng không ổn định dẫn đến khó khăn về kinh tế nên thường xuyên cãi vã. Mặt khác quá trình chung sống bà V và ông

H không có con chung nên không tìm được hạnh phúc. Từ cuối năm 2019 đến nay bà Vân, ông H đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Nay bà V nhận thấy không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà V và ông H không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trịnh Nguyễn Sơn H:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Trịnh Nguyễn Sơn H theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông H không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Ông Trịnh Nguyễn Sơn H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Bà Trần Thị Mỹ V và ông Trịnh Nguyễn Sơn H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 22-12-2008 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của bà Vân, ông H: Bà V xác định vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có con chung nên thường xuyên cãi vã và không hạnh phúc. Quá trình tố tụng và tại phiên toà bà V vẫn nhất quyết yêu cầu được ly hôn với ông H.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng ông H vắng mặt không có lý do và không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Vân. Tại phiên tòa bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Vân, ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà V đối với ông H.

Về con chung: Bà V và ông H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ V phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ V đối với ông Trịnh Nguyễn Sơn H về việc: "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ V được ly hôn với ông Trịnh Nguyễn Sơn H.

- Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ V và ông Trịnh Nguyễn Sơn H không có con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006765 ngày 03-02-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Trần Thị Mỹ V đã nộp đủ án phí.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*".

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phan Thu Hiền**